

## Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

### BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Cầu Lông 2 – Nhóm 14  
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

| STT | Mã HS, SV  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Tên lớp  | BP.1 | BP.2 | BP.3 | Điểm quá trình | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|----------|------|------|------|----------------|---------|
| 1   | 2121190157 | Huỳnh Ngọc Bích       | 18/12/2003 | CCQ2119A | 10   | 6    | 9    | 8.7            |         |
| 2   | 2121190022 | Nguyễn Thị Kim Chi    | 02/06/2003 | CCQ2119A | 8    | 5    | 5    | 5.5            |         |
| 3   | 2121190062 | Nguyễn Phú Duy        | 14/11/1999 | CCQ2119B | 10   | 6    | 7    | 7.3            |         |
| 4   | 2121190017 | Lê Khánh Dương        | 10/08/2003 | CCQ2119A | 10   | 8    | 6    | 7.0            |         |
| 5   | 2121190038 | Nguyễn Hoàng Giang    | 17/05/2003 | CCQ2119B | 10   | 5    | 5    | 5.8            |         |
| 6   | 2121190039 | Dương Thị Quỳnh Giao  | 02/01/2001 | CCQ2119B | 10   | 6    | 7    | 7.3            |         |
| 7   | 2121190146 | Lê Thị Thu Hằng       | 12/09/2003 | CCQ2119B | 10   | 5    | 7    | 7.2            |         |
| 8   | 2121190142 | Nguyễn Thị Ngọc Huệ   | 01/03/2003 | CCQ2119A | 10   | 5    | 9    | 8.5            |         |
| 9   | 2121190051 | Cù Minh Huy           | 09/05/2003 | CCQ2119B | 9    | 7    | 6    | 6.7            |         |
| 10  | 2121172025 | Lê Hoàng Huy          | 22/12/2003 | CCQ2117R | 5    | 10   | 8    | 7.8            |         |
| 11  | 2121190061 | Nguyễn Thị Ngọc Huyền | 18/10/2003 | CCQ2119B | 5    | 7    | 5    | 5.3            |         |
| 12  | 2121190060 | Trịnh Tân Khoa        | 25/03/2003 | CCQ2119B | 10   | 6    | 7    | 7.3            |         |
| 13  | 2121120214 | Trương Minh Khoa      | 15/08/2003 | CCQ2112G | 8    | 10   | 6    | 7.0            |         |
| 14  | 2120270222 | Nguyễn Văn Kiệt       | 20/07/2002 | CCQ2027G | 0    | 0    | 0    | 0.0            | Nghỉ    |
| 15  | 2121190020 | Phạm Thị Lài          | 13/06/2003 | CCQ2119A | 10   | 6    | 7    | 7.3            |         |
| 16  | 2121190068 | Lê Thị Linh           | 26/06/1996 | CCQ2119B | 10   | 7    | 5    | 6.2            |         |
| 17  | 2121190154 | Nguyễn Tấn Lộc        | 19/02/2003 | CCQ2119A | 10   | 7    | 5    | 6.2            |         |
| 18  | 2121190040 | Phạm Văn Lộc          | 28/02/2003 | CCQ2119B | 5    | 5    | 5    | 5.0            |         |
| 19  | 2121200211 | Nguyễn Thị Ngọc Luyện | 21/11/2002 | CCQ2120E | 10   | 6    | 5    | 6.0            |         |

| STT | Mã HS, SV  | Họ và tên            | Ngày sinh  | Tên lớp  | BP.1 | BP.2 | BP.3 | Điểm quá trình | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|----------|------|------|------|----------------|---------|
| 20  | 2121190012 | Bùi Trần Hà My       | 13/10/2003 | CCQ2119A | 10   | 5    | 5    | 5.8            |         |
| 21  | 2121190042 | Trần Thị Diễm My     | 04/10/2003 | CCQ2119B | 8    | 6    | 6    | 6.3            |         |
| 22  | 2121190048 | Lê Hồng Ngà          | 06/05/2003 | CCQ2119B | 6    | 7    | 5    | 5.5            |         |
| 23  | 2121190043 | Nông Thị Minh Nguyệt | 22/05/2003 | CCQ2119B | 10   | 5    | 6    | 6.5            |         |
| 24  | 2121260049 | Lâm Nữ Tâm Như       | 14/02/2003 | CCQ2126B | 5    | 5    | 6    | 5.7            |         |
| 25  | 2121190143 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | 24/01/2003 | CCQ2119A | 9    | 6    | 7    | 7.2            |         |
| 26  | 2121190041 | Nguyễn Thị Mỹ Oanh   | 09/06/2003 | CCQ2119B | 8    | 5    | 8    | 7.5            |         |
| 27  | 2121190059 | Đặng Toàn Quốc       | 11/09/2003 | CCQ2119B | 10   | 6    | 8    | 8.0            |         |
| 28  | 2121190148 | Trần Thị Mỹ Quyên    | 03/03/2003 | CCQ2119B | 10   | 5    | 7    | 7.2            |         |
| 29  | 2121190011 | Lê Minh Tâm          | 07/05/1999 | CCQ2119A | 0    | 0    | 0    | 0.0            | Nghĩ    |
| 30  | 2120180062 | Nguyễn Nhựt Tâm      | 27/10/2000 | CCQ2018B | 0    | 0    | 0    | 0.0            | Nghĩ    |
| 31  | 2121190057 | Lý Thanh Thảo        | 05/10/2003 | CCQ2119B | 10   | 7    | 8    | 8.2            |         |
| 32  | 2121190032 | Trần Thị Thanh Tiên  | 22/10/2003 | CCQ2119A | 10   | 5    | 5    | 5.8            |         |
| 33  | 2121190144 | Phạm Minh Tiến       | 08/12/2002 | CCQ2119A | 9    | 7    | 7    | 7.3            |         |
| 34  | 2121190053 | Trần Thị Thùy Trân   | 16/12/2003 | CCQ2119B | 6    | 5    | 8    | 7.2            |         |
| 35  | 2121190155 | Tạ Lê Thanh Trúc     | 12/05/2003 | CCQ2119A | 10   | 5    | 8    | 7.8            |         |
| 36  | 2121190044 | Nguyễn Thị Hải Yến   | 17/02/2003 | CCQ2119B | 10   | 6    | 5    | 6.0            |         |

TP. HCM, Ngày 07 tháng 1 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

**BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN**  
Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Cầu Lông 2 – Nhóm 14  
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

| STT | Mã HS, SV  | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Tên lớp  | Điểm<br>quá trình | Điểm thi | Điểm<br>học phần | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|-------|------------|----------|-------------------|----------|------------------|---------|
| 1   | 2121190157 | Huỳnh Ngọc      | Bích  | 18/12/2003 | CCQ2119A | 8.7               | 5        | 6.5              |         |
| 2   | 2121190022 | Nguyễn Thị Kim  | Chi   | 02/06/2003 | CCQ2119A | 5.5               | 5        | 5.2              |         |
| 3   | 2121190062 | Nguyễn Phú      | Duy   | 14/11/1999 | CCQ2119B | 7.3               | 10       | 8.9              |         |
| 4   | 2121190017 | Lê Khánh        | Dương | 10/08/2003 | CCQ2119A | 7.0               | 7        | 7.0              |         |
| 5   | 2121190038 | Nguyễn Hoàng    | Giang | 17/05/2003 | CCQ2119B | 5.8               | 6        | 5.9              |         |
| 6   | 2121190039 | Dương Thị Quỳnh | Giao  | 02/01/2001 | CCQ2119B | 7.3               | 6        | 6.5              |         |
| 7   | 2121190146 | Lê Thị Thu      | Hằng  | 12/09/2003 | CCQ2119B | 7.2               | 5        | 5.9              |         |
| 8   | 2121190142 | Nguyễn Thị Ngọc | Huệ   | 01/03/2003 | CCQ2119A | 8.5               | 6        | 7.0              |         |
| 9   | 2121190051 | Cù Minh         | Huy   | 09/05/2003 | CCQ2119B | 6.7               | 8        | 7.5              |         |
| 10  | 2121172025 | Lê Hoàng        | Huy   | 22/12/2003 | CCQ2117R | 7.8               | 10       | 9.1              |         |
| 11  | 2121190061 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | 18/10/2003 | CCQ2119B | 5.3               | 5        | 5.1              |         |
| 12  | 2121190060 | Trịnh Tân       | Khoa  | 25/03/2003 | CCQ2119B | 7.3               | 5        | 5.9              |         |
| 13  | 2121120214 | Trương Minh     | Khoa  | 15/08/2003 | CCQ2112G | 7.0               | 9        | 8.2              |         |
| 14  | 2120270222 | Nguyễn Văn      | Kiệt  | 20/07/2002 | CCQ2027G | 0.0               | 0        | 0.0              | Nghĩ    |
| 15  | 2121190020 | Phạm Thị        | Lài   | 13/06/2003 | CCQ2119A | 7.3               | 5        | 5.9              |         |
| 16  | 2121190068 | Lê Thị          | Linh  | 26/06/1996 | CCQ2119B | 6.2               | 7        | 6.7              |         |
| 17  | 2121190154 | Nguyễn Tấn      | Lộc   | 19/02/2003 | CCQ2119A | 6.2               | 5        | 5.5              |         |
| 18  | 2121190040 | Phạm Văn        | Lộc   | 28/02/2003 | CCQ2119B | 5.0               | 5        | 5.0              |         |
| 19  | 2121200211 | Nguyễn Thị Ngọc | Luyên | 21/11/2002 | CCQ2120E | 6.0               | 9        | 7.8              |         |
| 20  | 2121190012 | Bùi Trần Hà     | My    | 13/10/2003 | CCQ2119A | 5.8               | 5        | 5.3              |         |

| STT | Mã HS, SV  | Họ và tên            | Ngày sinh  | Tên lớp  | Điểm quá trình | Điểm thi | Điểm học phần | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|----------|----------------|----------|---------------|---------|
| 21  | 2121190042 | Trần Thị Diễm My     | 04/10/2003 | CCQ2119B | 6.3            | 5        | 5.5           |         |
| 22  | 2121190048 | Lê Hồng Ngà          | 06/05/2003 | CCQ2119B | 5.5            | 9        | 7.6           |         |
| 23  | 2121190043 | Nông Thị Minh Nguyệt | 22/05/2003 | CCQ2119B | 6.5            | 7        | 6.8           |         |
| 24  | 2121260049 | Lâm Nữ Tâm Như       | 14/02/2003 | CCQ2126B | 5.7            | 5        | 5.3           |         |
| 25  | 2121190143 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | 24/01/2003 | CCQ2119A | 7.2            | 6        | 6.5           |         |
| 26  | 2121190041 | Nguyễn Thị Mỹ Oanh   | 09/06/2003 | CCQ2119B | 7.5            | 5        | 6.0           |         |
| 27  | 2121190059 | Đặng Toàn Quốc       | 11/09/2003 | CCQ2119B | 8.0            | 6        | 6.8           |         |
| 28  | 2121190148 | Trần Thị Mỹ Quyên    | 03/03/2003 | CCQ2119B | 7.2            | 5        | 5.9           |         |
| 29  | 2121190011 | Lê Minh Tâm          | 07/05/1999 | CCQ2119A | 0.0            | 0        | 0.0           | Nghĩ    |
| 30  | 2120180062 | Nguyễn Nhựt Tâm      | 27/10/2000 | CCQ2018B | 0.0            | 0        | 0.0           | Nghĩ    |
| 31  | 2121190057 | Lý Thanh Thảo        | 05/10/2003 | CCQ2119B | 8.2            | 6        | 6.9           |         |
| 32  | 2121190032 | Trần Thị Thanh Tiên  | 22/10/2003 | CCQ2119A | 5.8            | 6        | 5.9           |         |
| 33  | 2121190144 | Phạm Minh Tiến       | 08/12/2002 | CCQ2119A | 7.3            | 5        | 5.9           |         |
| 34  | 2121190053 | Trần Thị Thùy Trân   | 16/12/2003 | CCQ2119B | 7.2            | 7        | 7.1           |         |
| 35  | 2121190155 | Tạ Lê Thanh Trúc     | 12/05/2003 | CCQ2119A | 7.8            | 6        | 6.7           |         |
| 36  | 2121190044 | Nguyễn Thị Hải Yến   | 17/02/2003 | CCQ2119B | 6.0            | 5        | 5.4           |         |

TP. HCM, Ngày 07 tháng 1 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình